



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số** 055188 ngày 11 tháng 2 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Ủy viên
Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/1/2017)

**Ban Kiểm soát**

Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
Bà Đặng Thúy Định	Thành viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 15/6/2017)

**Trụ sở đăng ký**  
Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “*Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đề cập đến việc số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-203-SX-TH



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>102.648.667.757</b>	<b>106.258.337.330</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>38.983.400.375</b>	<b>43.448.521.804</b>
Tiền	111		14.983.400.375	17.348.521.804
Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	26.100.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.819.750.000</b>	<b>8.725.400.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	10(b)	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	10(b)	(548.010.500)	(642.360.500)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	4.400.000.000	8.400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.068.272.696</b>	<b>48.928.804.300</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	45.640.694.641	46.502.636.921
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.193.406.001	2.652.551.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	5.525.505.636	3.064.949.361
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(3.291.333.582)	(3.291.333.582)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>3.926.916.545</b>	<b>4.269.407.421</b>
Hàng tồn kho	141		3.926.916.545	4.269.407.421
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.850.328.141</b>	<b>886.203.805</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.007.968.618	321.354.832
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		436.333.666	49.459.278
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	406.025.857	515.389.695

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>134.316.333.726</b>	<b>136.298.626.588</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.927.322.315</b>	<b>33.863.030.708</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	15	30.886.813.597	31.472.266.332
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	2.040.508.718	2.390.764.376
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.501.468.355</b>	<b>28.284.473.536</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	33.501.468.355	28.284.473.536
Nguyên giá	222		125.117.080.509	117.235.150.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.615.612.154)	(88.950.676.807)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>44.382.224.939</b>	<b>49.573.783.826</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	44.382.224.939	49.573.783.826
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.994.721.833</b>	<b>17.994.721.833</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(c)	5.400.000.000	5.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(c)	33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(c)	(20.999.702.169)	(20.999.702.169)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.510.596.284</b>	<b>6.582.616.685</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.510.596.284	6.100.717.734
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	-	481.898.951
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>236.965.001.483</b>	<b>242.556.963.918</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>89.566.208.912</b>	<b>98.319.861.905</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.917.000.233</b>	<b>45.875.877.679</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	23.221.995.649	22.258.858.718
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.471.208	50.480.475
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	2.113.029.229	3.327.256.368
Phải trả người lao động	314		-	2.797.939.551
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.935.202.800	3.751.120.107
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.145.455	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	9.528.155.892	13.690.222.460
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.649.208.679</b>	<b>52.443.984.226</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	52.649.208.679	52.443.984.226
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>147.398.792.571</b>	<b>144.237.102.013</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>147.398.792.571</b>	<b>144.237.102.013</b>
Vốn cổ phần	411	25	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	16.830.983.651	16.830.983.651
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.567.828.920	17.406.138.362
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		17.336.047.306	18.304.183.729
- LNST/(lỗ) chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		3.231.781.614	(898.045.367)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>236.965.001.483</b>	<b>242.556.963.918</b>

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>112.195.489.344</b>	<b>111.049.513.943</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>104.840.195.574</b>	<b>97.507.194.692</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>7.355.293.770</b>	<b>13.542.319.251</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.328.670.299	1.377.000.411
Chi phí tài chính	22	31	(47.155.256)	19.358.411.684
Chi phí bán hàng	25		231.037.182	67.785.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	5.072.531.230	5.912.135.959
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.427.550.913</b>	<b>(10.419.013.545)</b>
Thu nhập khác	31	33	749.501.081	607.993.295
Chi phí khác	32		299.324.977	550.221.736
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>450.176.104</b>	<b>57.771.559</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.877.727.017</b>	<b>(10.361.241.986)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>35</b>	<b>164.046.452</b>	<b>924.000</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>35</b>	<b>481.898.951</b>	<b>(2.258.055.998)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3.231.781.614</b>	<b>(8.104.109.988)</b>
<b>Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu</b>				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	36	359	(900)

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:



Đâu Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017  
(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>3.877.727.017</b>	<b>(10.361.241.986)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.816.605.469	3.046.584.749
Các khoản dự phòng	03		(94.350.000)	19.872.623.281
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.599.079.210)	(1.534.976.470)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.000.903.276</b>	<b>11.022.989.574</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.225.629.278)	2.744.934.863
Biến động hàng tồn kho	10		342.490.876	376.686.844
Biến động các khoản phải trả	11		(6.241.251.894)	(1.559.633.798)
Biến động chi phí trả trước	12		(142.252.814)	1.389.995.459
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	34.131.213
			<b>(4.265.739.834)</b>	<b>14.009.104.155</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.705.930.141)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	101.698.822
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(358.078.000)	(1.576.508.931)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.623.817.834)</b>	<b>8.828.363.905</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.291.730.911)	(7.366.429.906)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		382.510.606	220.690.909
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		4.000.000.000	2.200.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.321.916.710	1.574.898.485
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.412.696.405</b>	<b>(3.370.840.512)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (đã điều chỉnh lại)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền trả cổ tức	36	(3.254.000.000)	(3.917.838.390)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.254.000.000)</b>	<b>(3.917.838.390)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.465.121.429)</b>	<b>1.539.685.003</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	43.448.521.804	38.635.046.676
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	38.983.400.375	40.174.731.679

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:

Đậu Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các đơn vị trực thuộc.

**(b) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc (1/1/2017: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Đường Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại tỉnh Quảng Ninh	Số 7, Ngõ 6, Phố Hải vân, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Lexington, Số 67 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, Số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	B8 Đường Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê container.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 189 nhân viên (1/1/2017: 201 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	4 – 7 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa định kỳ phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(n) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp dịch kho bãi, lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác
- Kinh doanh xăng dầu

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kinh doanh xăng dầu		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	28.484.403.351	20.462.679.026	83.711.085.993	90.586.834.917	112.195.489.344	111.049.513.943
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.410.655.403	670.719.911	5.944.638.367	12.871.599.340	7.355.293.770	13.542.319.251
Chi phí không phân bổ					(3.927.742.857)	(23.961.332.796)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					3.427.550.913	(10.419.013.545)
Thu nhập khác					749.501.081	607.993.295
Chi phí khác					(299.324.977)	(550.221.736)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(645.945.403)	2.257.131.998
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế					3.231.781.614	(8.104.109.988)

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kinh doanh xăng dầu</b>		<b>Cung cấp dịch vụ</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản của bộ phận	13.571.759.847	14.171.872.909	169.606.881.989	170.741.824.628	183.178.641.836	184.913.697.537
Tài sản không phân bổ					53.786.359.647	57.643.266.381
<b>Tổng tài sản</b>					<b>236.965.001.483</b>	<b>242.556.963.918</b>
Nợ phải trả của bộ phận	3.280.747.882	2.765.855.105	83.073.156.526	90.483.339.633	86.353.904.408	93.249.194.738
Các khoản nợ không phân bổ					3.212.304.504	5.070.667.167
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>89.566.208.912</b>	<b>98.319.861.905</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi tiêu vốn	-	-	2.291.730.911	7.366.429.906	2.291.730.911	7.366.429.906
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	7.849.998	12.450.000	2.808.755.471	3.034.134.749	2.816.605.469	3.046.584.749

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.995.725.825	1.183.832.066
Tiền gửi ngân hàng	12.987.674.550	16.164.689.738
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	26.100.000.000
	38.983.400.375	43.448.521.804

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam (1/1/2017: 2.000 triệu VND).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	4.400.000.000	4.592.320.000	8.400.000.000	8.629.822.778

(\*) Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác với giá trị 192 triệu VND (1/1/2017: 230 triệu VND). Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	30/6/2017		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu				
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	25.200.000	250.410.500
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	10.200.000	172.600.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	384.350.000	125.000.000
		967.760.500	419.750.000	548.010.500

	Số lượng	1/1/2017		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu				
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	25.200.000	247.560.500
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	10.200.000	184.800.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	290.000.000	210.000.000
		967.760.500	325.400.000	642.360.500

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2017			1/1/2017				
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:											
▪ Công ty liên kết											
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng, Việt Nam	540.000	24,1%	5.400.000.000	-	(*)	540.000	24,1%	5.400.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác											
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines	Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam		11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)		11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)
				<u>38.994.424.002</u>	<u>20.999.702.169</u>	<u>(*)</u>			<u>38.994.424.002</u>	<u>20.999.702.169</u>	<u>(*)</u>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và các bên liên quan:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – công ty mẹ	3.130.175.172	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	1.861.053.069	1.861.053.069
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	769.071.270	-
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	428.242.100	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	151.871.000	194.297.440
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam	6.810.000	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón khí Cà Mau	5.590.399.960	3.273.218.500
Công ty Toyota Việt Nam	5.163.872.120	3.481.574.470
Công ty TNHH Cảng Phước Long	5.061.182.987	4.699.380.129
Các khách hàng khác	23.478.016.963	32.993.113.313
	<hr/>	
	45.640.694.641	46.502.636.921
	<hr/>	

Khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	856.528.182	721.882.185
Phải thu lãi tiền gửi	192.320.000	263.157.500
Phải thu người lao động	2.557.585.969	165.181.409
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	95.850.000	366.200.000
Các khoản chi hộ	828.261.484	850.955.662
Phải thu khác	994.960.001	697.572.605
	5.525.505.636	3.064.949.361
	5.525.505.636	3.064.949.361

**(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.164.869.575	1.164.869.575
Phải thu từ Công ty Cổ phần Nội thất Trang trí Hiệp Hòa Phát	875.639.143	1.225.894.801
	2.040.508.718	2.390.764.376
	2.040.508.718	2.390.764.376



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	1 năm – trên 3 năm	965.489.991	827.099.990	138.390.001	từ 6 tháng đến 3 năm	965.489.991	827.099.991	138.390.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa	trên 3 năm	236.315.000	236.315.000	-	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-
Khác	trên 1 năm	399.847.634	366.865.523	32.982.111	trên 1 năm	414.787.634	341.153.019	73.634.615
		<u>3.462.705.694</u>	<u>3.291.333.582</u>	<u>171.372.112</u>		<u>3.503.358.197</u>	<u>3.291.333.582</u>	<u>212.024.615</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>3.291.333.582</u>	<u>3.291.333.582</u>
--------------------------------------	----------------------	----------------------

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	373.104.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	1.285.960.580	-	2.361.708.995	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	2.086.936.825	-	1.624.866.329	-
Hàng hóa	166.350.587	-	271.479.395	-
Hàng hóa bất động sản (*)	11.352.702	-	11.352.702	-
Hàng gửi đi bán	3.211.851	-	-	-
	<b>3.926.916.545</b>	<b>-</b>	<b>4.269.407.421</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là phần diện tích đất nền 432,22 m2 chưa bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA do vướng mắc về tranh chấp đất đai (Thuyết minh 38).

**15. Trả trước cho người bán dài hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 (*)	30.886.813.597	30.886.813.597
Công ty TNHH Một thành viên San lấp Mặt bằng Long Bình	-	440.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 710	-	145.452.735
	<b>30.886.813.597</b>	<b>31.472.266.332</b>

(\*) Khoản trả trước cho người bán dài hạn cho Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 liên quan tới hai dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình trị giá 11.301 triệu VND (1/1/2017: 11.301 triệu VND) và Phước Long A trị giá 19.585 triệu VND (1/1/2017: 19.585 triệu VND) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Đồ đạc và trang bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản cố định khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	65.430.189.093	23.891.263.328	24.387.565.094	336.674.853	3.189.457.975	117.235.150.343
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.022.350.416	-	-	-	-	8.022.350.416
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(140.420.250)	(140.420.250)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>73.452.539.509</b>	<b>23.891.263.328</b>	<b>24.387.565.094</b>	<b>336.674.853</b>	<b>3.049.037.725</b>	<b>125.117.080.509</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	50.357.485.614	23.215.169.415	13.405.609.341	299.174.853	1.673.237.584	88.950.676.807
Khấu hao trong kỳ	1.071.074.605	222.072.666	1.247.315.341	9.375.000	221.007.379	2.770.844.991
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(105.909.644)	(105.909.644)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>51.428.560.219</b>	<b>23.437.242.081</b>	<b>14.652.924.682</b>	<b>308.549.853</b>	<b>1.788.335.319</b>	<b>91.615.612.154</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	15.072.703.479	676.093.913	10.981.955.753	37.500.000	1.516.220.391	28.284.473.536
Số dư cuối kỳ	22.023.979.290	454.021.247	9.734.640.412	28.125.000	1.260.702.406	33.501.468.355

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 60.113 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 57.400 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>
Số dư đầu kỳ	49.573.783.826	41.308.958.414
Tăng trong kỳ	2.830.791.529	7.264.629.906
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.022.350.416)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>44.382.224.939</b>	<b>48.573.588.320</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (*)	31.499.667.952	31.475.517.952
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A (*)	9.827.516.623	9.827.516.623
Dự án văn phòng làm việc phía Nam	142.911.074	8.148.203.796
Dự án Bãi Container Đình Vũ	122.545.455	122.545.455
Dự án Depot Nam Hòa 3	2.789.583.835	-
	<b>44.382.224.939</b>	<b>49.573.783.826</b>

(\*) Dự án Bắc Rạch Chiếc là dự án khu đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 15/03/2001 gồm hai dự án thành phần là Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình và Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A. Hai dự án được triển khai từ năm 2001.

Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty. Đây là dự án do Công ty đứng ra quản lý, theo dõi thay mặt các cán bộ công nhân viên của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công đoàn Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, phường Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh”. Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A là dự án do công ty đóng vai trò là nhà đầu tư thứ cấp.

Hai dự án hiện đang bị đình trệ do các nguyên nhân từ nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Địa Ốc 10. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng trong thời gian tới khi nhà đầu tư chính giải quyết các khó khăn và tiếp tục hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án, Công ty sẽ tiếp tục giải ngân đầu tư để hoàn thành dự án.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.476.898.301	1.105.744.639	518.074.794	6.100.717.734
Tăng trong kỳ	-	-	159.670.000	159.670.000
Phân bổ trong kỳ	(45.760.478)	(434.786.929)	(224.027.666)	(704.575.073)
Thanh lý trong kỳ	-	(45.216.377)	-	(45.216.377)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.431.137.823</b>	<b>625.741.333</b>	<b>453.717.128</b>	<b>5.510.596.284</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Giá trị thuế của các khoản lỗ trong năm	-	481.898.951

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp có số dư lớn và các bên liên quan:

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	6.895.669.167	8.200.923.500
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải SA HI Logistics	4.226.704.800	-
Doanh nghiệp Tư nhân Phương Sơn	-	3.050.374.000
Doanh nghiệp Tư nhân Hải Giang	-	1.161.187.500
Các nhà cung cấp khác	12.099.621.682	9.846.373.718
	<b>23.221.995.649</b>	<b>22.258.858.718</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

Khoản phải trả công ty liên quan không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả trong vòng 2 tháng 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	15.051.309	15.389.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	335.953.548	500.000.000
Tiền thuê đất	18.866.000	-
Thuế nhà đất	36.155.000	-
	406.025.857	515.389.695

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2017</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp/khấu trừ</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
	<b>(đã điều chỉnh lại)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	1.881.470.313	11.696.020.168	(13.250.481.091)	327.009.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	164.046.452	(164.046.452)	-
Thuế thu nhập cá nhân	88.166.778	416.793.122	(404.555.720)	100.404.180
Tiền thuê đất	1.301.352.656	1.317.537.088	(987.073.942)	1.631.815.802
Thuế nhà thầu	56.266.621	162.812.656	(165.279.420)	53.799.857
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	3.327.256.368	13.761.209.486	(14.975.436.625)	2.113.029.229

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khai thác bãi	580.814.196	2.777.350.746
Chi phí phải trả hoạt động giao nhận	-	147.248.973
Chi phí phải trả hoạt động vận tải	777.342.232	469.987.393
Chi phí phải trả hoạt động cấp dầu	168.200.001	57.475.255
Các khoản trích trước khác	408.846.371	299.057.740
	1.935.202.800	3.751.120.107



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	3.254.000.000
<b>Bên thứ ba</b>		
Kinh phí công đoàn	250.105.107	257.266.032
Thù lao hội đồng quản trị phải trả	-	230.000.000
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty An Phát	291.468.003	670.710.534
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	58.497.146	417.372.317
Phải nộp nhà nước về lợi nhuận khai thác theo Quyết định của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh	8.791.528.662	8.791.528.662
Phải trả ngắn hạn khác	136.556.974	69.344.915
	<b>9.528.155.892</b>	<b>13.690.222.460</b>

Khoản phải trả công ty mẹ không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	697.000.000	697.000.000
Khoản góp vốn của cán bộ công nhân viên thực hiện Dự án Bắc Rạch Chiềc (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi Dự án Bắc Rạch Chiềc (**)	7.974.433.679	7.769.209.226
	<b>52.649.208.679</b>	<b>52.443.984.226</b>

(\*) Đây là khoản phải trả liên quan đến phần vốn góp của cán bộ nhân viên của Công ty ủy thác cho Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công đoàn Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiềc, phường Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình. Hiện tại, Dự án này đang bị đình trệ (Thuyết minh 17).

(\*\*) Đây là khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng của cán bộ nhân viên Công ty đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình với lãi suất từ 4,8% đến 5,2% một năm.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	35.163.525.119	157.478.951.337
<i>Số dư tại ngày 31/12/2015 - đã báo cáo trước đây</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>(20.000)</i>	<i>12.315.446.218</i>	<i>43.433.746.602</i>	<i>165.749.172.820</i>
<i>Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 39)</i>	-	-	-	-	<i>(8.270.221.483)</i>	<i>(8.270.221.483)</i>
Lỗ thuần trong kỳ - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	(8.104.109.988)	(8.104.109.988)
<i>Lỗ thuần trong kỳ - đã báo cáo trước đây</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(7.351.794.702)</i>	<i>(7.351.794.702)</i>
<i>Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 39)</i>	-	-	-	-	<i>(752.315.286)</i>	<i>(752.315.286)</i>
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.921.332.140)	(1.921.332.140)
Cổ tức	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	9.822.547.958	136.653.511.609

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 – đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	17.406.138.362	144.237.102.013
<i>Số dư tại ngày 31/12/2016 - theo Báo cáo trước đây</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>(20.000)</i>	<i>16.830.983.651</i>	<i>27.113.567.188</i>	<i>153.944.530.839</i>
<i>Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 39)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(9.707.428.826)</i>	<i>(9.707.428.826)</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.231.781.614	3.231.781.614
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(70.091.056)	(70.091.056)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>16.830.983.651</b>	<b>20.567.828.920</b>	<b>147.398.792.571</b>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	8.364.013.358	8.028.943.511
Trong vòng hai đến năm năm	27.731.428.998	27.399.094.419
Sau năm năm	57.336.952.709	60.542.577.415
	93.432.395.065	95.970.615.345
	93.432.395.065	95.970.615.345

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	190.959	4.381.678.164	411.502	9.347.262.706
		4.381.678.164		9.347.262.706
		4.381.678.164		9.347.262.706

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán tổng hợp:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được phê duyệt và ký hợp đồng	650.000.000	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	16.643.146.177	24.053.274.588
	17.293.146.177	24.053.274.588
	17.293.146.177	24.053.274.588

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	28.484.403.351	20.462.679.026
▪ Cung cấp dịch vụ	83.711.085.993	90.586.834.917
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>112.195.489.344</b>	<b>111.049.513.943</b>

**29. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	27.073.747.948	19.791.959.115
▪ Dịch vụ đã cung ứng	77.766.447.626	77.715.235.577
	<b>104.840.195.574</b>	<b>97.507.194.692</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	93.656
Lãi tiền gửi	603.079.210	406.327.927
Cổ tức được chia	648.000.000	929.525.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.591.089	24.352.980
Doanh thu tài chính khác	18.000.000	16.700.848
	<b>1.328.670.299</b>	<b>1.377.000.411</b>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
(Hoàn nhập)/trích lập hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(94.350.000)	93.586.600
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư (*)	-	19.209.990.458
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.184.899	54.675.459
Chi phí tài chính khác	9.845	159.167
	(47.155.256)	19.358.411.684

(\*) Khoản dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư phát sinh liên quan tới khoản lỗ từ thanh lý Ụ nổi 83M của Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines trong năm 2016.

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND (đã điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên quản lý	2.255.348.419	2.683.943.729
Chi phí khấu hao	266.551.548	16.824.348
Chi phí bằng tiền khác	1.688.884.925	2.232.344.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.898.105	517.356.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	281.848.233	461.666.942
	5.072.531.230	5.912.135.959

**33. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	348.000.000	199.123.543
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	-	105.664.092
Các khoản khác	401.501.081	303.205.660
	749.501.081	607.993.295

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí sản xuất thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	27.003.827.656	19.791.959.115
Chi phí nhân công	13.917.309.378	15.752.338.594
Chi phí khấu hao	2.816.605.469	3.046.584.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.296.667.147	52.271.510.831
Chi phí khác	13.451.845.212	13.175.639.846

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	164.046.452	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(2.258.055.998)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	481.898.951	-
	645.945.403	(2.257.131.998)



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.877.727.017	(10.361.241.986)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	775.545.403	(2.072.248.398)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	97.400
Thu nhập không bị tính thuế	(129.600.000)	(185.905.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
	645.945.403	(2.257.131.998)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ năm 2016.

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
		<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ (VND) (*)	3.231.781.614	(8.104.109.988)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	8.999.998	8.999.998
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	359	(900)

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch cho</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	-	5.508.000.000
Cổ tức đã trả	-	1.254.000.000
Cung cấp dịch vụ	4.949.496.544	-
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	96.670.909	181.469.908
<b>Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	595.670.002	461.811.858
Bán hàng hóa	2.673.724.146	1.704.070.862
Mua dịch vụ	8.934.275.000	14.648.060.455
<b>Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao</b>		
Bán hàng hóa	389.311.000	833.534.546
<b>Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)</b>		
Bán hàng hóa	346.435.455	245.480.055
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.481.600.435	1.256.400.000



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Nợ tiềm tàng**

Theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã bàn giao 18.137 m<sup>2</sup> đất tại phường Phước Long A và Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) và đổi lại Công ty nhận lại 2.943,27 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng và và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Trong năm 2007 và 2008, Công ty ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12 tháng 11 năm 2007, hợp đồng số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14 tháng 11 năm 2007 và hợp đồng số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30 tháng 1 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) về việc bồi thường đất với tổng giá trị là 32.280.510.000 VND tương ứng với 2.511,05 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng, còn lại 432,22 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng Công ty chưa ký hợp đồng với SACA. Công ty đã ghi nhận doanh thu bất động sản từ các hợp đồng này theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Tuy nhiên, trong diện tích đất 18.137 m<sup>2</sup> mà Công ty đã bàn giao cho SACA có một phần đất đang bị tranh chấp với Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Kinh doanh nhà Vĩnh Lộc (“Công ty Vĩnh Lộc”).

Ngày 28 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty Vĩnh Lộc. Theo nội dung Quyết định trên, Bộ Tài nguyên Môi trường đã xác định rõ việc Công ty Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng cho diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết và việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m<sup>2</sup> đất (thuộc khu I) cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và giao Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công ty Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận. Công ty dự kiến tiến hành sẽ dùng 3.144 m<sup>2</sup> đất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận quyền sử dụng và 432,22 m<sup>2</sup> đất có hạ tầng Công ty chưa bàn giao cho SACA để hoàn thành hợp đồng với SACA.

Ngày 9 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được thư mời số 3/GM-TTr của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 3434/QĐ-TTTP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ về khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc với Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải về quyền sử dụng đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 2 năm 2017, Công ty nhận được Văn bản số 896/VPCP-V.I của Văn phòng Chính phủ ký ngày 6 tháng 2 năm 2017 về việc khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc. Văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình, theo đó đồng ý với kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại văn bản số 2966/TTCP-C.III ngày 10 tháng 11 năm 2016, văn bản số 1096/BC-TTTP ngày 18 tháng 5 năm 2016 và ý kiến của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 6922/UBND-NCPC ngày 2 tháng 12 năm 2016 và yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh Quyết định 1904/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc. Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Công ty đã gửi Thủ tướng Chính phủ văn bản số 32/2017/PTHH/BCGT báo cáo và giải trình thêm với Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết tranh chấp đất giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc.

Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, chưa có kết luận cuối cùng về kết quả của việc giải quyết tranh chấp này.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Số liệu so sánh**

Theo Quyết định số 206/QĐ-TTTP của Thanh tra Thành phố Hải Phòng công bố kết quả kiểm tra của Công ty cho giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty phải nộp bổ sung một khoản thuế giá trị gia tăng cho giai đoạn 2012-2013. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 191/QĐ-TTTP ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty phải nộp vào ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận từ việc khai thác phần đất thuộc Dự án khu dân cư Bắc Rạch Chiếc cho giai đoạn 2007-2017. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng đây là sai sót và đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trong báo cáo tài chính tổng hợp của các kỳ liên quan đến các vấn đề này. Bảng so sánh số liệu đã báo cáo trước đây và sau khi điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

*Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 1/1/2017*

	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo kết quả của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh VND	1/1/2017 (đã điều chỉnh lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	122.597.115	359.301.836	481.898.951
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.052.054.368	1.275.202.000	3.327.256.368
Phải trả ngắn hạn khác	4.898.693.798	8.791.528.662	13.690.222.460
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.113.567.188	(9.707.428.826)	17.406.138.362
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	26.574.405.212	(8.270.221.483)	18.304.183.729
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	539.161.976	(1.437.207.343)	(898.045.367)

*Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 1/1/2016*

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo kết quả của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.145.698.884	1.275.202.000	5.420.900.884
Phải trả ngắn hạn khác	1.586.775.980	6.995.019.483	8.581.795.463
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.433.746.602	(8.270.221.483)	35.163.525.119

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo kết quả của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 (điều chỉnh lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.504.641.215	(3.455.127.272)	111.049.513.943
Giá vốn hàng bán	99.604.579.291	(2.097.384.599)	97.507.194.692
Chi phí bán hàng	86.998.701	(19.213.137)	67.785.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.310.271.387	(398.135.428)	5.912.135.959
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(2.069.977.176)	(188.078.822)	(2.258.055.998)
Lỗ sau thuế TNDN	(7.351.794.702)	(752.315.286)	(8.104.109.988)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(817)	(83)	(900)

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh theo kết quả của Thanh tra Thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 (điều chỉnh lại) VND
Lỗ trước thuế	(9.420.847.878)	(940.394.108)	(10.361.241.986)
Biến động các khoản phải trả	(2.500.027.906)	940.394.108	(1.559.633.798)

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đâu Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc